

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23- 9 -2022.

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lượng và ông K’Bar

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 23-9-2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12-8-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06-9-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giàng A T, sinh năm 1991, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Bản S, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La

Bị đơn: Chị Lý Thị C (Ly Thị K), sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Giàng A T trình bày: Anh kết hôn với chị Lý Thị C (Ly Thị K) vào năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn từ năm 2009 đến năm 2013 thì chị C chuyển

vào sinh sống tại địa bàn xã Q; trong thời gian sống chung, cuộc sống giữa anh và chị C bình thường, tuy nhiên đến năm 2013 thì chị C tự ý bỏ nhà ra đi, nên hai bên tự ý chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, kể từ đó đến trước thời điểm nộp đơn ly hôn, anh và chị C không còn liên lạc với nhau nữa; do cần làm các thủ tục liên quan đến nhân thân, tuy nhiên do chưa ly hôn nên không thực hiện được. Hiện nay anh cảm thấy không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị C được nữa, do vậy anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị C (Ly Thị K).

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, giữa anh và chị C có 01 con chung là Giàng Xuân T, sinh ngày 28-3-2011, hiện nay con đang ở cùng anh tại Sơn La, nguyện vọng của anh khi ly hôn mong muốn được nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra anh còn có một người con riêng là Giàng Thị C, sinh ngày 06-4-2015, đối với con riêng anh không yêu cầu đề nghị gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đối với chị Lý Thị C trình bày: Chị chung sống với anh Giàng A T vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện nhưng không tìm hiểu, lấy nhau do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, sau khi kết hôn, sinh sống tại Sơn La được khoảng 02 năm thì chị chuyển vào sinh sống tại xã Q; thời gian sống chung do không tìm hiểu kỹ nên cuộc sống vợ chồng không có nhiều hạnh phúc, kể từ khi chị chuyển đến sinh sống tại Q thì chị và anh T không còn quan tâm nhau. Hiện nay anh T làm đơn ly hôn, để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thời gian sống chung giữa chị và anh T có 01 con chung Giàng Xuân T, sinh ngày 28-3-2011, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A T được ly hôn với chị Lý Thị C (Ly Thị K), về con chung: Giao 01 con chung là Giàng Xuân T, sinh ngày 28-3-2011 cho anh T nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Dương sự không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn chị Lý Thị C (Ly Thị K) đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 12, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn, nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A T và chị Lý Thị C chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống, anh T và chị C thừa nhận sống chung được khoảng 02 năm, sau đó chị C chuyển đến địa bàn xã Q sinh sống từ năm 2013 đến nay; kể từ khi chị C chuyển đến xã Q sinh sống, giữa anh T, chị C không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, hiện tại anh T và Ca đều xác định không thể hàn gắn, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh T và chị C thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị C là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Trong thời gian sống chung với nhau, giữa anh T và chị C đều thừa nhận có 01 con chung là Giàng Xuân T, sinh ngày 28-3-2011. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Tùng, cháu có nguyện vọng ở với anh T, các đương sự thống nhất giao con cho anh T nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra anh T còn có 01 con riêng là Giàng Thị C, sinh ngày 06-4-2015. Các đương sự xác nhận đây là con riêng của anh T; giấy khai sinh của cháu Chi thể hiện, cháu Chi là con của anh T và chị Chờ, anh T, chị C không yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị C đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A T đối với chị Lý Thị C (Ly Thị K)

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A T được ly hôn với chị Lý Thị C (Ly Thị K)

1.2. Về con chung: Giao con chung Giàng Xuân T, sinh ngày 28-3-2011 cho anh Giàng A T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị C (Ly Thị K) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Giàng A T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004154 ngày 13-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND xã C, M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

